

Mẫu số 10. Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai

UBND PHƯỜNG TÂN TRIỀU
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG
VÀ ĐÔ THỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 219/PC_CMĐ_PKTHTĐT

Đồng Nai, ngày 24 tháng 07 năm 2026

PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI

Kính gửi: Thuế cơ sở 3 thành phố Đồng Nai

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC

- Mã số hồ sơ thủ tục hành chính⁽¹⁾: H19.206-260716-2580
- Ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ⁽²⁾: 16/07/2026
- Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính⁽³⁾: Chuyển mục đích sử dụng

II. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT

- Tên⁽⁴⁾: ông Nguyễn Minh Hiệp
 - Địa chỉ: ⁽⁵⁾khu phố Thiện Tâm, phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai
 - Số điện thoại liên hệ: 075083001300 Email (nếu có):
 - Mã số thuế (nếu có):
 - Giấy tờ pháp nhân/Số hộ chiếu/Số định danh cá nhân⁽⁶⁾: 075083001300
- Loại giấy tờ: Căn cước công dân

III. THÔNG TIN VỀ THỪA ĐẤT/KHU ĐẤT

- Thửa đất số⁽⁸⁾: 888; Tờ bản đồ số: 56
- Địa chỉ tại: phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai
- Giá đất

Đường: Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đất Cát đoạn từ Hương lộ 15 đến Giáp ranh thửa đất số 305, tờ bản đồ số 62, BĐDC phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng; Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m

Đoạn đường:

Vị trí: Đất ở đô thị; Vị trí 1 - Phạm vi 1;

Loại giá	Đơn giá (VNĐ/m ²)
Giá đất theo bảng giá:	Đất ở đô thị: 680.000 đồng/m ² ;
Hệ số điều chỉnh giá đất (nếu có)	Đất ở đô thị: 1.19; Đường đất: 0,8
Giá đất cụ thể:	
Giá trúng đấu giá:	
Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất:	Đất trồng lúa nước còn lại: 230.000 đồng/m ² ; Đất trồng lúa nước còn lại: hệ số điều chỉnh: 1.45;

4. Diện tích thửa đất: 697,0 m²

- Diện tích sử dụng chung: 0 m²

- Diện tích sử dụng riêng: 697,0 m²

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: 697,0m²

- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²

- Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất: 697,0 m²

- Diện tích đất trong hạn mức: m²

- Diện tích đất ngoài hạn mức: 697,0 m²

5. Nguồn gốc sử dụng đất: Đất ở đô thị: Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất

6. Mục đích sử dụng đất ⁽⁹⁾: Đất ở đô thị: 697,0

Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích: trồng lúa nước còn lại

7. Thời hạn sử dụng đất:

- Ổn định lâu dài: ☒ ☐

- Có thời hạn: năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:/...../.....

- Gia hạn năm. Từ ngày .../.../..... đến ngày: .../.../.....

3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:

3.1.9. Hình thức sử dụng đất⁽¹⁰⁾:

3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất⁽¹¹⁾:

IV. THÔNG TIN CỤ THỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP THUÊ ĐẤT ĐỂ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM TRONG LÒNG ĐẤT, THUÊ ĐẤT CÓ MẶT NƯỚC

1. Đối với thuê đất để xây dựng công trình ngầm trong lòng đất (*không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất và không phải là đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm*):

- Diện tích đất: m²

- Giá đất tính tiền thuê đất:

2. Đối với thuê đất có mặt nước:

- Diện tích đất: m²

- Diện tích mặt nước: m²

- Giá đất để tính tiền thuê đất của phần diện tích đất:

V. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ)

1. Trường hợp ghi nợ:

2. Thời điểm bắt đầu ghi nợ:

3. Tiền sử dụng đất:

4. Lệ phí trước bạ:

VI. THÔNG TIN MIỄN, GIẢM TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT

Miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất:

Giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất:.....

VII. THÔNG TIN CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH¹

1. Chi phí hạ tầng:

1.1. Số văn bản: Ngày:

1.2. Số tiền:

2. Các khoản giảm trừ khác:

2.1. Số văn bản:

2.2. Ngày quyết định:

2.3. Số tiền:

2.4. Loại giảm trừ:

VIII. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP

Phiếu chuyển thuế điện tử

Tờ khai thuế phi nông nghiệp

GHI CHÚ:

Thửa đất số⁽⁸⁾: 888; Tờ bản đồ số: 56 thuộc Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đất Cát đoạn từ Hương lộ 15 đến Giáp ranh thửa đất số 305, tờ bản đồ số 62, BĐDC phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Lê Duy Quang

